TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/3/2024
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà **Đoàn Thị Hương Nhu.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Thà.**

Ông **Hoàng Sĩ Quang.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền -** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Văn C**, sinh năm 1986;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn K, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

Người được anh C ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Anh **Nguyễn Đức A,** sinh ngày 29/9/2000; địa chỉ: Số B N, phường N, T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1987;

Hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương; địa chỉ nơi ở hiện tại: Thôn V, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần Văn V và bà Trần Thị M; địa chỉ: Thôn K, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn C trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hải Dương ngày 04/10/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, càng về sau anh chị càng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh đi lao động nước ngoài, vợ chồng mỗi người sống một nơi nên bất đồng quan điểm sống, tính cách không còn hòa hợp và không có tiếng nói chung, tình cảm ngày càng xa cách và không thể tiếp tục chung sống với nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Trang N, sinh ngày 28/10/2011 và Trần Khang D, sinh ngày 07/02/2017, hiện các con đang ở với ông Trần Văn V và bà Trần Thị M (là bố mẹ đẻ anh). Anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con tròn 18 tuổi, anh tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh không có mặt ở Việt Nam, anh ủy quyền cho ông Trần Văn V và bà Trần Thị M chăm sóc các con cho đến khi anh về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh C đang lao động tại Đài Loan nên anh ủy quyền cho anh Nguyễn Đức A thay anh giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại các bản khai, chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn C có quan hệ hôn nhân như anh C trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đôi khi cũng xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn sống cùng nhau để nuôi con. Năm 2022, anh C đi lao động tại Đài Loan, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng và không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, anh C xin ly hôn, chị nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có hai con chung như anh C trình bày là đúng. Chị và anh C cùng thống nhất giao hai con chung cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên, anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian anh C không có mặt ở Việt Nam, chị nhất trí giao cả hai con cho ông Trần Văn V và bà Trần Thị M nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh C về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Văn V và bà Trần Thị M là bố mẹ đẻ anh C trình bày: Sau khi anh C kết hôn với chị H, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng

được một thời gian ngắn thì anh chị chuyển ra ngoài sống. Khoảng năm 2021, anh C đi lao động tại Đài Loan, năm 2022 chị H cũng sang Đài Loan nhưng vợ chồng mỗi người ở một nơi, không quan tâm và không còn tình cảm với nhau. Anh C hiện chưa về nước, còn chị H đã về nước ở hẳn nhưng không về gia đình ông bà mà về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay anh C và chị H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị. Ông bà nhất trí có trách nhiệm chăm sóc các cháu Trần Thị Trang N và Trần Khang D cho đến khi anh C về nước.

Người được anh C ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh Nguyễn Đức A trình bày: Anh nhất trí nhận ủy quyền của anh C, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho anh C biết, anh C vẫn giữ nguyên quan điểm trong đơn xin ly hôn anh đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Con chung của anh C, chị H là cháu Trần Thị Trang N và Trần Khang D đều có nguyện vọng được ở với anh C, ông V và bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn C ly hôn chị Nguyễn Thị H; về con chung: Giao hai con chung Trần Thị Trang N và Trần Khang D cho anh C trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung; anh C phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Văn C có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn K, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Hiện anh đang lao động, sinh sống tại Đài Loan. Bị đơn chị Nguyễn Thị H có địa chỉ tại xóm B, thôn V, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù anh C không có mặt ở Việt Nam nhưng anh đã gửi đơn xin ly hôn và ủy quyền cho anh Nguyễn Đức A nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Đơn của anh đã được Văn phòng K

tại Đ chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của anh là hoàn toàn tự nguyện. Các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hải Dương ngày 04/10/2010 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, anh C, chị H đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, đến năm 2022 anh C đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng không sống gần nhau và không quan tâm đến nhau nên mâu thuẫn của vợ chồng càng trầm trọng hơn. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh C có đơn xin ly hôn, chị H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh C ly hôn chị H.

[4] Về quan hệ con chung: Con chung của anh C, chị H là Trần Thị Trang N, sinh ngày 28/10/2011 và Trần Khang D, sinh ngày 07/02/2016, hiện đang ở với chị H. Anh C và chị H thống nhất giao con chung cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Anh C tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Các con của anh chị cũng có nguyện vọng được ở với anh C. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao các con chung cho anh C chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và va đình. Anh C, chị H cùng thống nhất tạm giao các con Trần Thị Trang N và Trần Khang D cho ông Trần Văn V và bà Trần Thị M chăm sóc cho đến khi anh C về nước, ông V, bà M đồng ý nhận chăm sóc hai cháu nên cần chấp nhận sự thỏa thuận này.

[5] Về tài sản chung, nợ chung*:* Anh C, chị H cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Trần Văn C phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn C, xử cho anh Trần Văn C ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Trần Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Thị Trang N, sinh ngày 28/10/2011 và Trần Khang D, sinh ngày 07/02/2016 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Trần Thị Trang N và Trần Khang D cho ông Trần Văn V và bà Trần Thị M chăm sóc cho đến khi anh C về nước.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Văn C phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000433 ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Vũ Văn T nộp thay). Anh C đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, chị Nguyễn Thị H, ông Trần Văn V và bà Trần Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Lạc Long, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu